

Bản án số: 42/2022/HNGĐ-ST
Ngày 15-6-2022
“V/v Ly hôn giữa chị N
và anh T”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Nơi
2. Bà Phạm Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Đình Trường là thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Ngọc Lâm – Kiểm sát viên.

Ngày 15-6-2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2022/TLST – HNGĐ, ngày 16 tháng 02 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 27 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Trần Thị N, sinh năm 1994

Nơi đăng ký HKTT: thôn Xuân La, xã Độc Lập, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ nơi ở: thôn 3, xã Tiến Thắng, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

Bị đơn: anh Phạm Văn T, sinh năm 1992

Địa chỉ: thôn Xuân La, xã Độc Lập, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

(Chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh T có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14-02-2022 và bản tự khai ngày 16-02-2022, nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày: Chị với anh Phạm Văn T kết hôn với nhau do đôi bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã Độc Lập, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 22-10-2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, có nhiều bất đồng trong cuộc sống hàng ngày nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Do không khắc phục được mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 3-2020 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng

giữa chị với anh T không còn, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, chị đề nghị Tòa án nhân dân (viết tắt TAND) huyện Hưng Hà giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Chị và anh T có 02 con chung là Phạm Ngọc Linh Nh, sinh ngày 28-7-2013 và Phạm Khánh V, sinh ngày 22-7-2015, hiện chị đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Khánh V, anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Ngọc Linh Nh. Vợ chồng ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vy, nhường anh T nuôi dưỡng cháu Nhi, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Về tài sản chung của vợ chồng: vợ chồng không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Phạm Văn T trình bày: Anh và chị Trần Thị N kết hôn với nhau do đôi bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã Độc Lập, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 22-10-2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do mâu thuẫn giữa chị N với mẹ anh rồi dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Do mâu thuẫn trầm trọng không khắc phục được nên vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 5-2020 đến nay. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị N. Anh và chị N có hai con chung là Phạm Ngọc Linh Nh, sinh ngày 28-7-2013 và Phạm Khánh V, sinh ngày 22-7-2015. Nếu vợ chồng ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nhi, nhường chị N nuôi dưỡng cháu Vy, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Về tài sản chung của vợ chồng không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định. Nguyên đơn là chị N và bị đơn là anh T đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xử cho chị N được ly hôn anh T; giao con chung là Phạm Khánh V, sinh ngày 22-7-2015 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung là Phạm Ngọc Linh Nh, sinh ngày 28-7-2013 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau; về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà nhận định:

[2] Chị Trần Thị N khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh Phạm Văn T, anh T cư trú tại: thôn Xuân La, xã Độc Lập, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Căn cứ

khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

[3] *Chi Trần Thị N* có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy Tòa án mở phiên tòa xét xử vắng mặt *chị N* theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] *Về hôn nhân*: *Chị Trần Thị N* và anh *Phạm Văn T* kết hôn với nhau do đôi bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã Độc Lập, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 22-10-2012, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân nhau từ năm 2020 đến nay, nay cả *chị N* và anh *T* đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa *chị N* và anh *T* đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần xử cho ly hôn giữa *chị N* và anh *T* là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] *Về nuôi con chung*: *Chị N* và anh *T* có 02 con chung là *Phạm Ngọc Linh Nh*, sinh ngày 28-7-2013 và *Phạm Khánh V*, sinh ngày 22-7-2015 (hiện cháu *Nhi* đang do anh *T* trực tiếp nuôi dưỡng; cháu *Vi* đang do *chị N* trực tiếp nuôi dưỡng). Xét thấy hiện nay cả anh *T* và *chị N* đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con tốt, vì vậy cần giao cháu *Nhi* cho anh *T* trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu *Vi* cho *chị N* trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] *Về chia tài sản*: *Chị N* và anh *T* đều trình bày không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí*: *Chị N* phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Cho ly hôn giữa *chị Trần Thị N* và anh *Phạm Văn T*.

2. *Về nuôi con chung*: Giao cháu *Phạm Ngọc Linh Nh*, sinh ngày 28-7-2013 cho anh *Phạm Văn T* trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu *Phạm Khánh V*, sinh ngày 22-7-2015 cho *chị Trần Thị N* trực tiếp nuôi dưỡng. *Chị N* và anh *T* không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. *Chị N* và anh *T* được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không được ai cản trở.

3. *Về chia tài sản*: Không xem xét giải quyết.

4. **Về án phí:** Chị Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003570 ngày 16-02-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, chị N đã nộp đủ tiền án phí.

5. Anh Phạm Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Trần Thị N có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Đương sự
- VKSND huyện Hưng Hà;
- Chi cục THA huyện Hưng Hà;
- UBND xã Độc Lập;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Mạnh Hà

